

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06/3/2018

V/v: ly hôn giữa chị Mỹ và  
anh Dũng

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH ĐỒNG NAI**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Đào

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Hồng Ngọc – Hội Liên hiệp phụ nữ phường Tam Hiệp
2. Trần Văn Chánh – Cán bộ hưu trí

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Trần Ngọc Phương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 03 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1978/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Chị **Lê Thị M**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: C445, tổ 16, khu phố 3, phường L, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

***2. Bị đơn:*** Anh **Trương Khắc D**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: C445, tổ 16, khu phố 3, phường L, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

(Chị M có đơn xin vắng mặt, anh D vắng mặt không lý do tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện 09/10/2017, bản tự khai và tại các buổi hòa giải chị Lê Thị Mỹ trình bày:*

Chị và anh D tự tìm hiểu nhau và tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã L, huyện S, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn 15/2/1999. Kể từ thời điểm kết hôn cho đến hiện nay vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau. Nguyên nhân, mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Dù hai bên đã cố gắng hòa giải đoàn tụ nhưng vẫn không thể đoàn

tự để xây dựng gia đình hạnh phúc. Xét thấy, chị không còn tình cảm yêu thương với anh D nên đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là cháu Trương Thị Ngọc Á, sinh ngày 06/10/1999, cháu Trương Khắc Đ, sinh ngày 24/12/2003 và cháu Trương Khắc Minh V, sinh ngày 28/10/2007. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ và cháu V còn cháu Á đã trưởng thành chị không có yêu cầu gì, chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Trương Khắc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh D vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và tại phiên tòa nên không có lời trình bày.*

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Nai:*

Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Chị M yêu cầu được ly hôn với anh D là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, ngoài việc trình bày của chị M về mâu thuẫn gia đình giữa 02 vợ chồng, Tòa án đã xác minh anh D đang cư trú tại địa phương, Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh D không đến Tòa để tham gia buổi hòa giải bảo vệ cuộc hôn nhân. Chứng tỏ anh D không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân nữa. Về con chung: Xét nguyện vọng của các con chung và yêu cầu của chị M chấp nhận yêu cầu của chị M giao 02 con chung là cháu Trương Khắc Đ, sinh năm 2003 và cháu Trương Khắc Minh V sinh năm 2007 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết thành vụ việc riêng khi đương sự có yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn chị Lê Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Khắc D căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là ly hôn. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định chị M là nguyên đơn, anh D là bị đơn trong vụ án.

Chị Lê Thị M và anh Trương Khắc D đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng khác: Nguyên đơn chị Lê Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Trương Khắc D đã được Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do; căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị M và anh D.

[3]. Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị M và anh Trương Khắc D tự nguyện kết hôn, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện S, tỉnh Thanh Hóa và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn 15/02/1999 nên áp dụng vào các Điều 5, 6, 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, chị M xác định chị không còn tình cảm với anh D, do anh D không quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng, các bên có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Theo biên bản xác minh ngày 15/11/2017, địa phương nơi chị M và anh D thường trú cung cấp thông tin cho biết, quá trình chung sống vợ chồng giữa chị M và anh D có mâu thuẫn. Tuy nhiên, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa 02 người như thế nào thì địa phương không nắm rõ. Như vậy, cho thấy cuộc sống hôn nhân của chị M và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh D đã được Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại các buổi hòa giải và phiên tòa là không thực hiện đúng nghĩa vụ của bị đơn, từ đó cho thấy anh D có ý bỏ mặc việc Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa hai người. Từ những phân tích trên cho thấy, yêu cầu ly hôn của chị M là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là cháu Trương Thị Ngọc Á, sinh ngày 06/10/1999, cháu Trương Khắc Đ, sinh ngày 24/12/2003 và cháu Trương Khắc Minh V, sinh ngày 28/10/2007. Ly hôn chị M đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ và cháu V còn cháu Á đã trưởng thành chị M không có yêu cầu gì, chị M không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi các con chung. Xét đề nghị này của chị M là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, hiện nay các con chung đang sống cùng chị M, cháu Đ và cháu V cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Chị M vẫn chăm sóc tốt cho các con chung nên việc giao 02 con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là cần thiết. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, anh D vắng mặt không có lời khai nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Nai phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH;**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 68, 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng vào các Điều 5, 6, 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

Áp dụng các Điều 51, 56, 71, 81, 82, 83, khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị M đối với bị đơn anh Trương Khắc D về việc ly hôn.

Tuyên xử:

Chị Lê Thị M, sinh năm 1978 được ly hôn với anh Trương Khắc D, sinh năm 1978.

Giao con chung là cháu Trương Khắc Đ, sinh ngày 24/12/2003 và cháu Trương Khắc Minh V, sinh ngày 28/10/2007 cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản anh D thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, anh D vắng mặt không có lời khai nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về án phí: Chị Lê Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị M đã nộp theo biên lai thu số 002854 ngày 17/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Chị M, anh D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS TP.H
- UBND xã L, huyện S, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Đào**